

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hạng Sy Dưa và ông Khoàng Văn Hặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thảo Thị T;

Địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Cháng A S

Nơi thường trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 16, phân trại II, trại giam Y, cục C, Bộ công an. Địa chỉ: Xã M, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Thảo Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Cháng A S tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến ngày 30/12/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không cùng nhau vun vén kinh tế, thường hay cãi nhau. Đến tháng 09/2023 anh S bị bắt vì mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt 20 năm tù. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không kéo dài được nữa, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S;

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Cháng Thị L sinh ngày 18/9/2017, cháu Cháng A M sinh ngày 12/5/2020. Chị T yêu cầu giao cả hai con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Trong quá trình giải quyết, tại bản tự khai ngày 15/9/2025 anh S trình bày:

Anh S và chị T có đăng ký với nhau năm 2020, sống với nhau tự nguyện không bị ép buộc, cuộc sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Quan điểm của anh S cho rằng anh và chị T vẫn yêu thương nhau nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung anh chị có hai con chung nhưng tình cảm vẫn còn nên hai vợ chồng vẫn nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: tài sản có 02 xe máy và 03 con trâu, nợ không có. Không có yêu cầu gì về tài sản.

Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt do đang phải chấp hành án.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Thảo Thị T có xác nhận của UBND xã Na Sang thể hiện nội dung như trình bày trên của chị T. Quá trình giải quyết cháu Chàng Thị L có đơn xin ở với mẹ là chị Thảo Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 11/8/2025 chị Thảo Thị T nộp đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Chàng A S; Địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại Đội 16, phân trại II, trại giam Y, cục C, Bộ công an. Địa chỉ: Xã M, tỉnh Sơn La. Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 12/8/2025 chị T được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Thảo Thị T và anh Chàng A S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Anh S, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Thảo Thị T và anh Chàng A S kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã M huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên), các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện anh S đang phải đi chấp hành án nên hai anh chị không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai anh chị quan điểm bất đồng, không cùng nhau vun vén kinh tế, anh S vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Năm 2023 anh S đã bị bắt và xử phạt về hành vi liên quan chất ma túy. Những nội dung trên được chính quyền địa phương đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng

không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh S đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với chị T. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh S cho rằng tình cảm vẫn còn nhưng chị T khẳng định không còn tình cảm với anh S. Do đó, Hội đồng xét xử thấy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T giải quyết cho ly hôn giữa chị T với anh S.

Về con chung: Chị T, anh S có hai con chung là cháu Cháng Thị L sinh ngày 18/9/2017, cháu Cháng A M sinh ngày 12/5/2020. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Cháng Thị L có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Mạnh còn nhỏ cần nhiều sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh S hiện đang phải chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, để đảm bảo các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của các cháu Hội đồng xét xử thấy căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị T giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thào Thị T, cho ly hôn giữa chị Thào Thị T và anh Cháng A S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Cháng Thị L sinh ngày 18/9/2017, cháu Cháng A M sinh ngày 12/5/2020 cho chị Thào Thị T trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thảo Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;
- UBND xã N;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc